ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 175 + 176)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 4: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 79/1 đến mốc số 180 thuộc tỉnh Tây Ninh)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 85/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 85/2 cắm trong rừng.	1292996,25 648427,19	11 41 35;847 106 21 42.628	54,70 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,50
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 85/1 đến cột mốc số 85/2 là 243°12'12,956", khoảng cách là 694,44m. Góc phương vị toa độ cột mốc số 85/2 đến cột mốc số 85/3 là 246°26'30.664", khoảng cách là 359,26m.	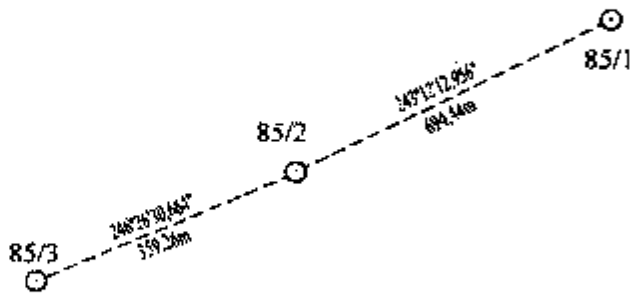		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MÓC SỐ 85/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 85/3 cắm cạnh đường mòn.	1292852,66 648097,87	11 41 31,225 106 21 31,730	54,27 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,07

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 85/2 đến cột mốc số 85/3 là 246°26'30,664", khoảng cách là 359,26m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 85/3 đến cột mốc số 85/4 là 258°31'36,718", khoảng cách là 282,29m.	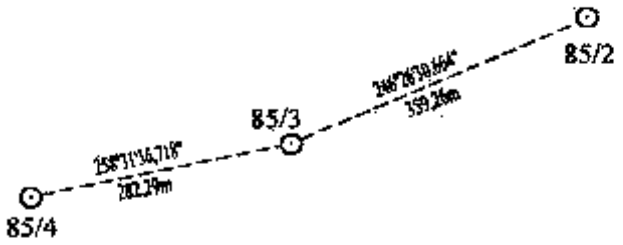

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 85/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 85/4 cắm trong rừng.	1292796,51 647821,22	11 41 29,441 106 21 22,585	53,95 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			52,75
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 85/3 đến cột mốc số 85/4 là 258°31'36.718", khoảng cách là 282,29m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 85/4 đến cột mốc số 86 là 241°24'54.669", khoảng cách là 411,88m.	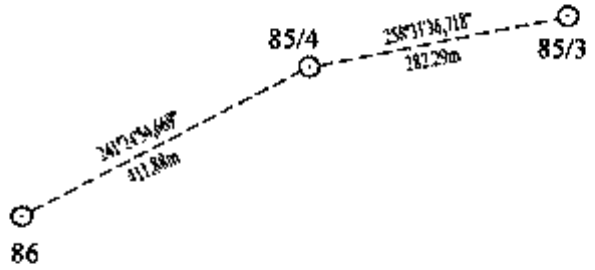		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 86

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 6 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 86 cắm trong rừng.	1292599,44 647459,54	11 41 23,082 106 21 10,609	54,24 (2,59)
			Độ cao mặt đất (m)
			51,65
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 85/4 đến cột mốc số 86 là 241°24'54,669", khoảng cách là 411,88m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86 đến cột mốc số 86/1 là 220°31'53,942", khoảng cách là 270,38m.	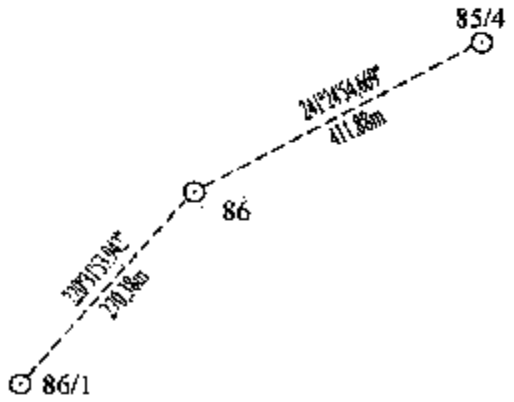		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 86/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 86/1 cắm trong rừng.	1292393,94 647283,83	11 41 16,422 106 21 04,775	54,00 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			52,80

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86 đến cột mốc số 86/1 là 220°31'53,942", khoảng cách là 270,38m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/1 đến cột mốc số 86/2 là 214°32'40,413", khoảng cách là 215,36m.	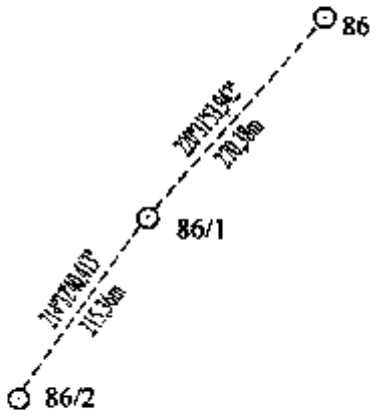

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 86/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 86/2 cắm trong rừng.	1292216,55 647161,71	11 41 10,667 106 21 00,714	54,79 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 53,59

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/1 đến cột mốc số 86/2 là 214°32'40,413", khoảng cách là 215,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/2 đến cột mốc số 86/3 là 228°40'45,437", khoảng cách là 258,73m.	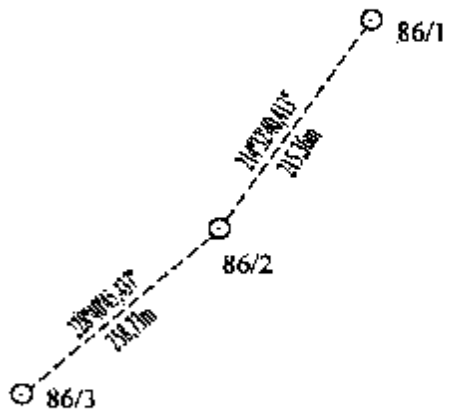

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 86/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 86/3 cắm trong rừng.	1292045,72 646967,40	11 41 05,137 106 20 54,270	55,05 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,85
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/2 đến cột mốc số 86/3 là 228°40'45,437", khoảng cách là 258,73m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/3 đến cột mốc số 86/4 là 258°44'10,269", khoảng cách là 482,42m.	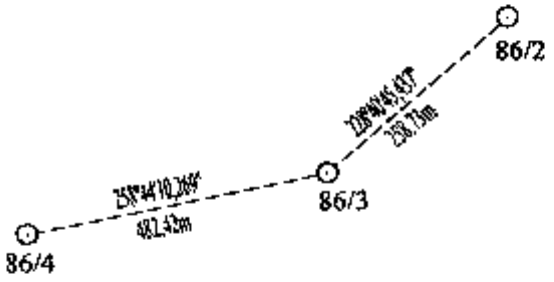		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 86/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 86/4 cắm trong rẫy.	1291951,49 646494,27	11 41 02,143 106 20 38.631	53,12 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			51,92

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/3 đến cột mốc số 86/4 là 258°44'10,269", khoảng cách là 482,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/4 đến cột mốc số 86/5 là 237°53'35,904", khoảng cách là 369,88m.	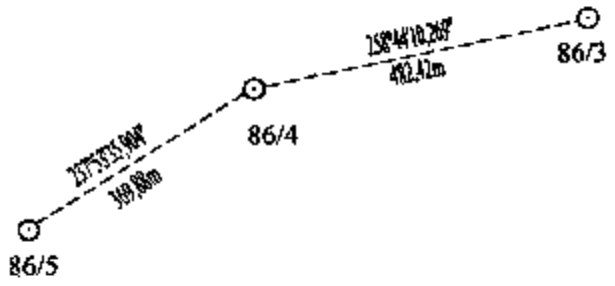

BANG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 86/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 86/5 cắm cạnh đường đất.	1291754,90 646180,96	11 40 55,794 106 20 28,254	53,75 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			52,55
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/4 đến cột mốc số 86/5 là 237°53'35.904", khoảng cách là 369,88m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/5 đến cột mốc số 86/6 là 241°00'30,229", khoảng cách là 321,53m.	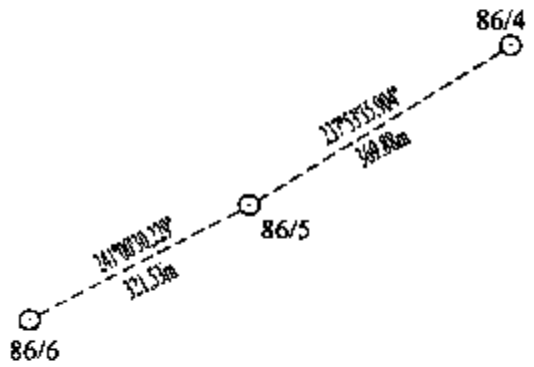		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 86/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 86/6 cắm trong rẫy cao su.	1291599,06 645899,72	11 40 50,764 106 20 18,942	53,58 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			52,38

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/5 đến cột mốc số 86/6 là 241°00'30,229", khoảng cách là 321,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/6 đến cột mốc số 87 là 266°30'42,919", khoảng cách là 178,99m.	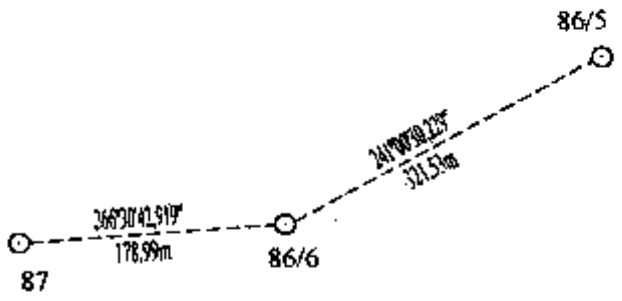

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐCSỐ 87

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 22 tháng 7 năm 2010

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 87 cắm trong rẫy cao su.	1291588,17 645721,06	11 40 50,437 106 20 13,040	55,73 (2,58)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,15

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 86/6 đến cột mốc số 87 là 266°30'42,919", khoảng cách là 178,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 87 đến cột mốc số 87/1 là 279°28'17,611", khoảng cách là 112,18m.	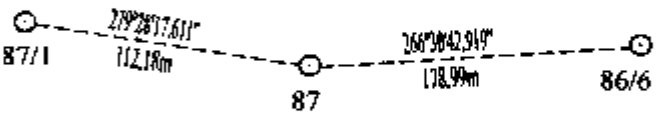

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 87/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 87/1 cắm trong rẫy.	1291606,63 645610,41	11 40 51,055 106 20 09,389	54,82 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,62
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 87 đến cột mốc số 87/1 là 279°28'17,611", khoảng cách là 112,18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 87/1 đến cột mốc số 87/2 là 329°00'28,559", khoảng cách là 336,67m.	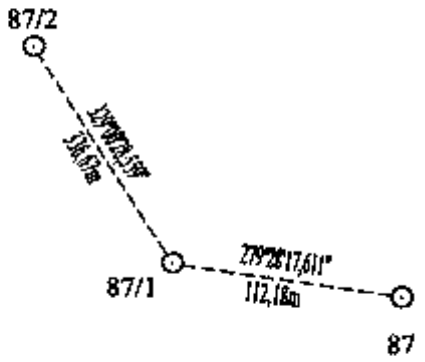		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 87/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 87/2 cắm trong rẫy cao su.	1291895,24 645437,05	11 41 00,475 106 20 03,709	53,32 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			52,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 87/1 đến cột mốc số 87/2 là 329°00'28,559", khoảng cách là 336,67m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 87/2 đến cột mốc số 88 là 341°40'28,109", khoảng cách là 188,76m.	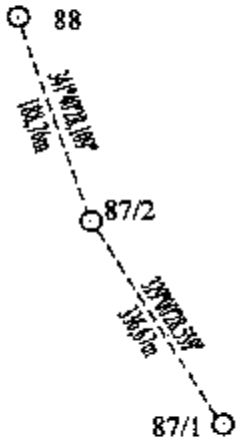		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 88

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 22 tháng 7 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 88 cắm trong rẫy cao su.	1292074,43 645377,70	11 41 06,316 106 20 01,777	50,42 (2,65)
			Độ cao mặt đất (m)
			47,77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 87/2 đến cột mốc số 88 là 341°40'28,109", khoảng cách là 188,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 88 đến cọc dấu số 89 là 248°56'09,201", khoảng cách là 1968,66m.	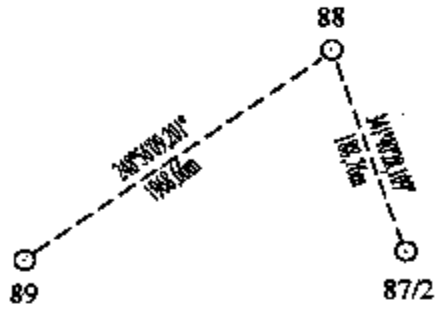		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 89

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 21 tháng 4 năm 2015	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 89 cắm trong rẫy cao su.	1291366,87 643540,59	11 40 43,567 106 19 01,001	52,39 (2,65)
			Độ cao mặt đất (m)
			49,74
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 88 đến cột mốc số 89 là 248°56'09,201", khoảng cách là 1968,66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 89 đến cột mốc số 90 là 271°28'14,650", khoảng cách là 1525,34m.	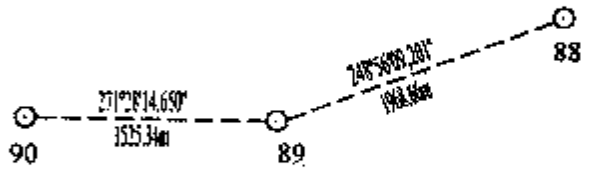		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 90

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 21 tháng 4 năm 2015	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 90 cắm trong rẫy cao su.	1291406,02 642015,75	11 40 45,071 106 18 10,652	54,46 (2,65)
			Độ cao mặt đất (m)
			51.81
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 89 đến cột mốc số 90 là 271°28'14,650", khoảng cách là 1525,34m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 90 đến cột mốc số 91 là 286°01'01,074", khoảng cách là 504,74m.	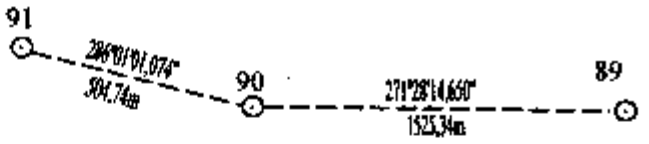		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 91

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, Loại B	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 02 năm 2011

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 91 cắm trong rẫy cao su.	1291545,29 641530,60	11 40 49,676 106 17 54,652	45,33 (2,65)
			Độ cao mặt đất (m)
			42,68

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 90 đến cột mốc số 91 là 286°01'01,074", khoảng cách là 504,74m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 91 đến cột mốc số 92 là 328°46'11,368", khoảng cách là 988,82m.	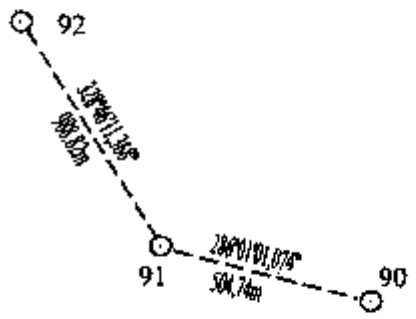

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 92

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 31 tháng 01 năm 2015	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 92 cắm cạnh rẫy cao su.	1292390,82 641017,92	11 41 17,274 106 17 37,849	54,16 (2,65)
			Độ cao mặt đất (m)
			51,51
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 91 đến cột mốc số 92 là 328°46'11,368", khoảng cách là 988,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 92 đến cột mốc số 93 là 308°00'20,420", khoảng cách là 2340,16m.	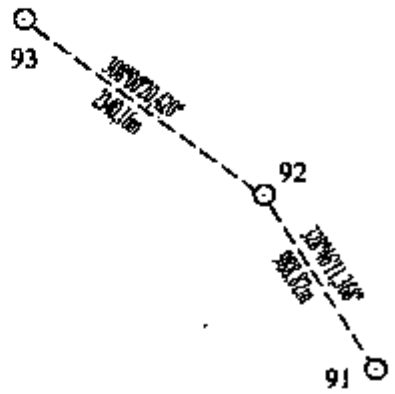		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 93

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 5 năm 2010

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 93 cắm trong rẫy cao su.	1293831,75 639173,99	11 42 04,447 106 16 37,169	51,44 (2,65)
			Độ cao mặt đất (m)
			48,79

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 92 đến cột mốc số 93 là 308°00'20,420", khoảng cách là 2340,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 93 đến cột mốc số 94 là 297°08'24,880", khoảng cách là 746,63m.	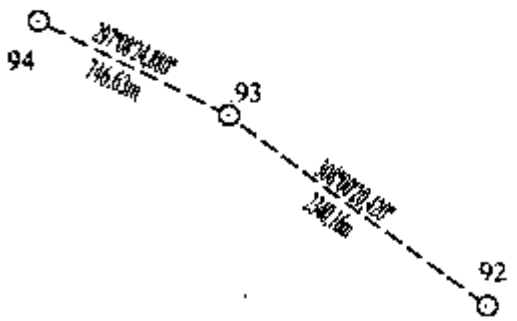

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 94

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn. loại B	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 5 năm 2010

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 94 cắm trên bãi đất trống.	1294172,34 638509,57	11 42 15,630 106 16 15,277	54,25 (2,57)
			Độ cao mặt đất (m)
			51,68

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 93 đến cột mốc số 94 là 297°08'24.880", khoảng cách là 746,63m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 94 đến cột mốc số 95 là 325°24'51,959", khoảng cách là 2172.83m.	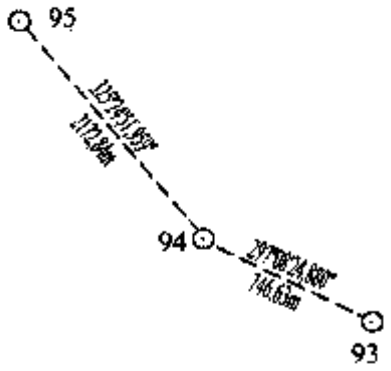

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 95

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 23 tháng 7 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 95 cắm cạnh đường đất.	1295961.19 637276.19	11 43 14,036 106 15 34,806	67,23 (2,55)
			Độ cao mặt đất (m)
			64,68
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 94 đến cột mốc số 95 là 325°24'51,959", khoảng cách là 2172,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95 đến cột mốc số 95/1 là 336°28'45,452", khoảng cách là 387,94m.	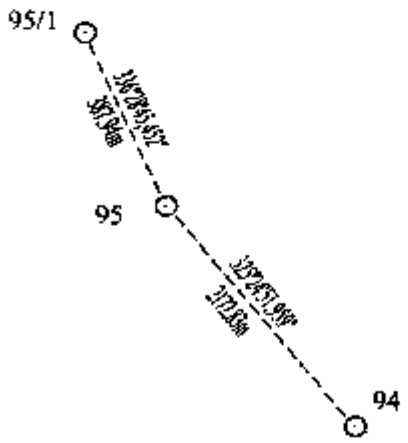		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 95/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 95/1 cắm trong rẫy.	1296316,90 637121,37	11 43 25,636 106 15 29,745	71,32 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			70,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95 đến cột mốc số 95/1 là 336°28'45,452", khoảng cách là 387,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/1 đến cột mốc số 95/2 là 307°32'17,786", khoảng cách là 342,22m.	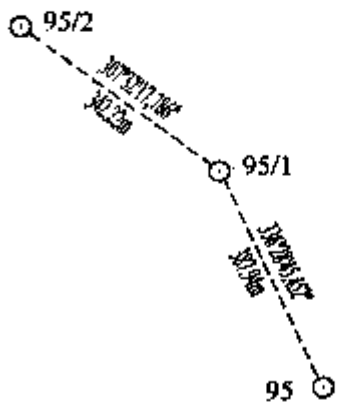		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 95/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 95/2 cắm trong rẫy.	1296525.41 636850.01	11 43 32.462 106 15 20.813	71,47 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			70,27
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/1 đến cột mốc số 95/2 là 307°32'17,786". khoảng cách là 342,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/2 đến cột mốc số 95/3 là 269°49'50,552". khoảng cách là 274,14m.	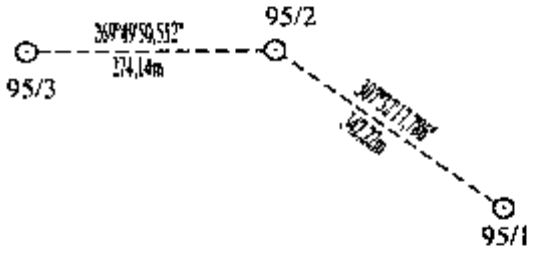		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 95/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 95/3 cắm trong rẫy.	1296524,60 636575,87	11 43 32,475 106 15 11,759	70,24 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			69,04
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/2 đến cột mốc số 95/3 là 269°49'50,552", khoảng cách là 274,14m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/3 đến cột mốc số 95/4 là 290°58'08,127", khoảng cách là 400,04m.	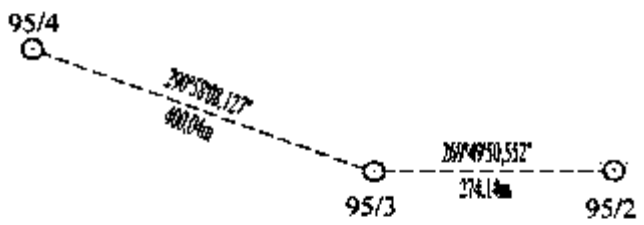		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MÓC SỐ 95/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 95/4 cắm trong rẫy.	1296667,76 636202,32	11 43 37,190 106 14 59,441	69,51 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			68,31
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/3 đến cột mốc số 95/4 là 290°58'08,127", khoảng cách là 400,04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/4 đến cột mốc số 95/5 là 261°42'02,384", khoảng cách là 323,18m.	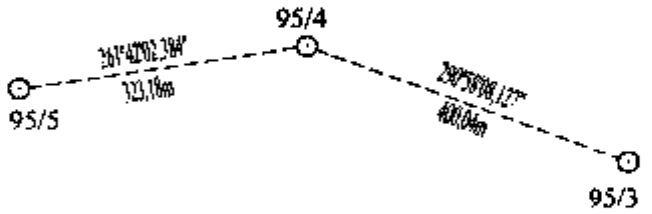		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 95/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 95/5 cắm trong rẫy.	1296621,11 635882.52	11 43 35,717 106 14 48,872	67,96 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			66,76
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/4 đến cột mốc số 95/5 là 261°42'02,384". khoảng cách là 323,18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/5 đến cột mốc số 95/6 là 264°23'54,467", khoảng cách là 284,91m.	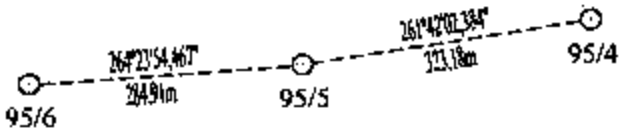		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 95/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 95/6 cắm trong rẫy.	1296593,30 635598,97	11 43 34.852 106 14 39,502	66.88 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			65,68
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/5 đến cột mốc số 95/6 là 264°23'54,467". khoảng cách là 284,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/6 đến cột mốc số 96 là 266°54'26,539". khoảng cách là 227,06m.	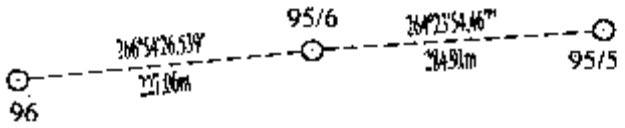		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 96

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 21 tháng 12 năm 2010

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 96 cắm trên bờ suối Tà Béc (Ô Oong Kam).	1296581,05 635372,24	11 43 34,486 106 14 32,011	63,31 (2,56)
			Độ cao mặt đất (m)
			60,75

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 95/6 đến cột mốc số 96 là 266°54'26,539", khoảng cách là 227,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96 đến cột mốc số 96/1 là 303°56'36,913", khoảng cách là 134,77m.	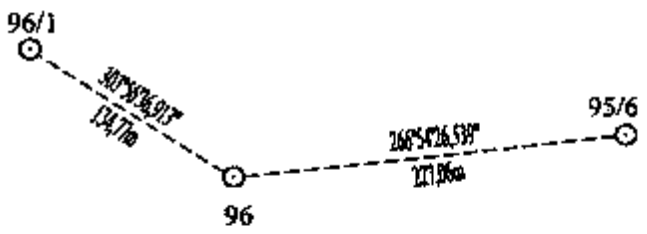

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 96/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 96/1 cắm phía Nam đường đất.	1296656,30 635260,44	11 43 36,952 106 14 28,330	65,61 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			64,41
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96 đến cột mốc số 96/1 là 303°56'36.913", khoảng cách là 134.77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96/1 đến cột mốc số 96/2 là 267°06'54.267", khoảng cách là 409.10m.	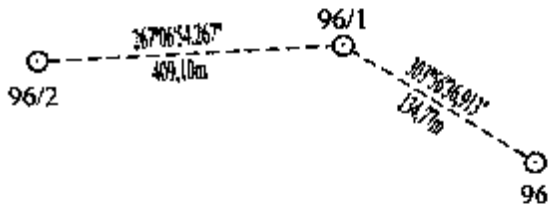		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 96/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 96/2 cắm trong rẫy cao su.	1296635,71 634851,86	11 43 36,340 106 14 14,832	62,56 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			61,36

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96/1 đến cột mốc số 96/2 là 267°06'54,267", khoảng cách là 409.10m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96/2 đến cột mốc số 96/3 là 297°55'53,664", khoảng cách là 601,77m.	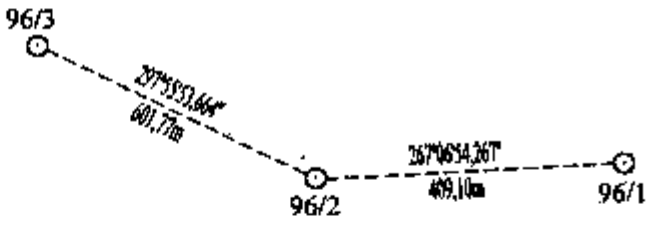

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 96/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 96/3 cắm trong rẫy cao su.	1296917,59 634320,19	11 43 45,591 106 13 57,311	59,14 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			57,94
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96/2 đến cột mốc số 96/3 là 297°55'53,664", khoảng cách là 601,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96/3 đến cột mốc số 96/4 là 290°31'28,283", khoảng cách là 474,40m.	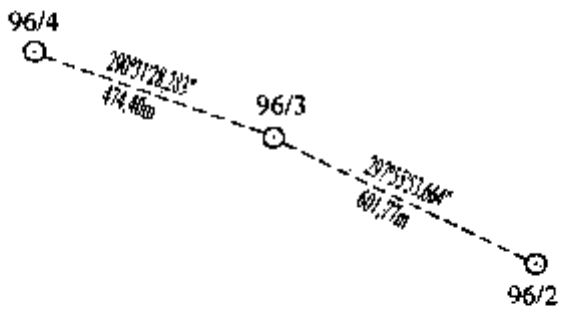		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 96/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 96/4 cắm trong rẫy.	1297083,92 633875,90	11 43 51,068 106 13 42,661	56,16 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			54,96
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96/3 đến cột mốc số 96/4 là 290°31'28,283", khoảng cách là 474,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96/4 đến cột mốc số 97 là 271°58'56,357", khoảng cách là 315,40m.	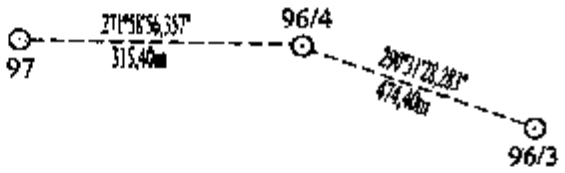		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 97

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 02 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 97 cắm trong rẫy.	1297094,83 633560,69	11 43 51,467 106 13 32,250	56,03 (2,72)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,31
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 96/4 đến cột mốc số 97 là 271°58'56,357", khoảng cách là 315,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 97 đến cột mốc số 97/1 là 244°30'13,378", khoảng cách là 464,42m.	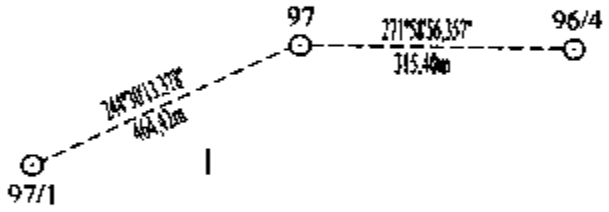		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 97/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 97/1 cắm trong nầy.	1296894,92 633141,50	11 43 45,020 106 13 18,376	53,17 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			51,97
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 97 đến cột mốc số 97/1 là 244°30'13,378", khoảng cách là 464,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 97/1 đến cột mốc số 97/2 là 253°56'48,378", khoảng cách là 235,74m.	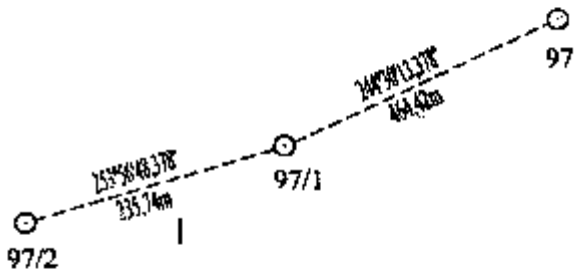		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 97/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 97/2 cắm trong rẫy.	1296829,73 632914,95	11 43 42,930 106 13 10,884	52,27 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			51,07
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 97/1 đến cột mốc số 97/2 là 253°56'48,378", khoảng cách là 235,74m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 97/2 đến cột mốc số 98 là 254°10'19,106", khoảng cách là 354,72m.	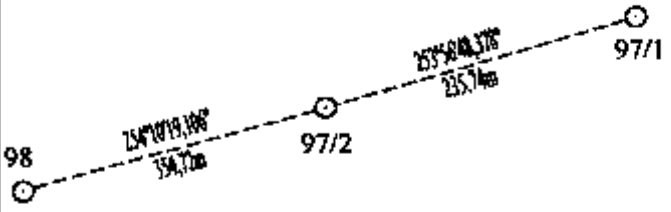		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 98

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 04 tháng 3 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 98 cắm trong ruộng lúa.	1296732,98 632573,68	11 43 39,828 106 12 59,598	52,85 (2,63) Độ cao mặt đất (m) 50,22
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 97/2 đến cột mốc số 98 là 254°10'19,106", khoảng cách là 354,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98 đến cột mốc số 98/1 là 292°29'57,082", khoảng cách là 381,66m.	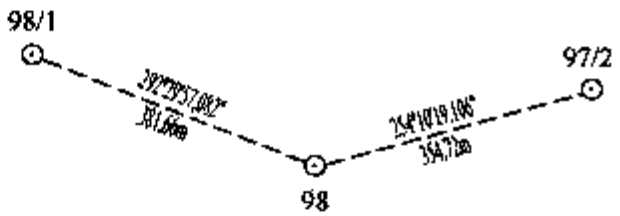		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 98/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 98/1 cắm trong ruộng lúa.	1296879,03 632221,07	11 43 44,632 106 12 47,972	51,77 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			50,57
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98 đến cột mốc số 98/1 là 292°29'57,082", khoảng cách là 381,66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/1 đến cột mốc số 98/2 là 294°35'06,664", khoảng cách là 420,70m.	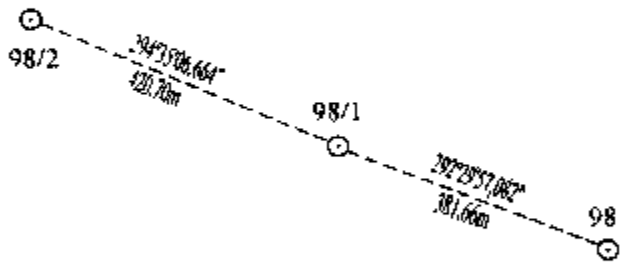		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 98/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 98/2 cắm trong ruộng lúa.	1297054,06 631838,51	11 43 50,383 106 12 35,360	53,83 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			52,63
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/1 đến cột mốc số 98/2 là 294°35'06,664", khoảng cách là 420,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/2 đến cột mốc số 98/3 là 294°22'33,557", khoảng cách là 322,32m.	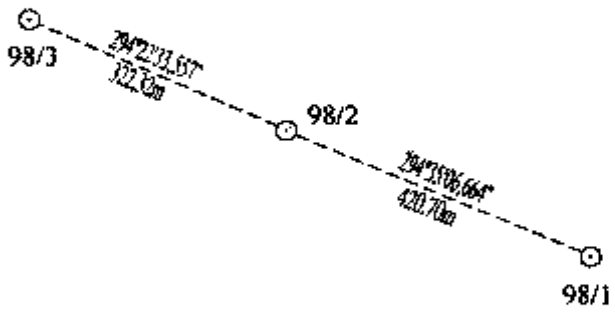		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 98/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 98/3 cắm trong ruộng lúa.	1297187,09 631544,92	11 43 54,754 106 12 25,682	54,55 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,35

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/2 đến cột mốc số 98/3 là 294°22'33,557", khoảng cách là 322,32m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/3 đến cột mốc số 98/4 là 314°59'23,294", khoảng cách là 437,08m.	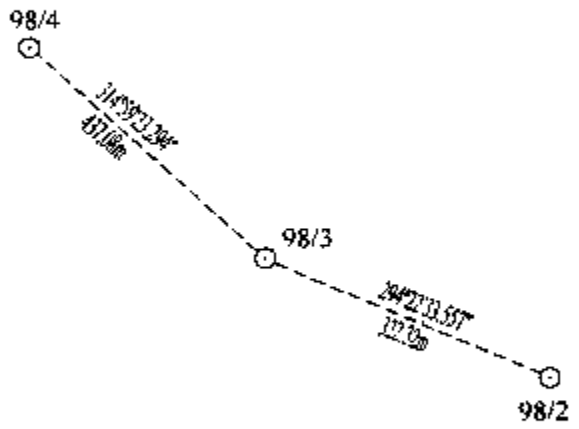

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 98/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 98/4 cắm tại ngã ba đường đất.	1297496,10 631235,80	11 44 04,855 106 12 15,515	55,07 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,87
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/3 đến cột mốc số 98/4 là 314°59'23,294", khoảng cách là 437,08m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/4 đến cột mốc số 98/5 là 311°00'42,660", khoảng cách là 244,92m	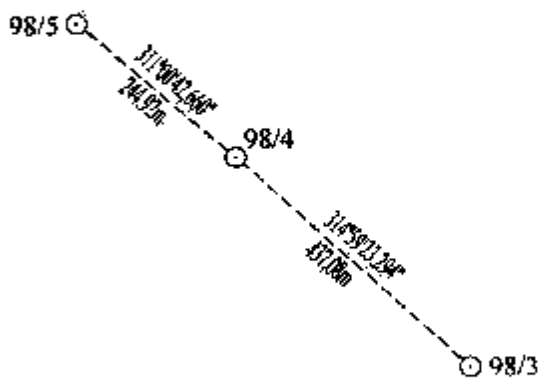		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 98/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 98/5 cắm cạnh đường đất.	1297656,82 631050.99	11 44 10,112 106 12 09,433	54.72 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			53.52
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/4 đến cột mốc số 98/5 là 311°00'42.660". khoảng cách là 244.92m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/5 đến cột mốc số 98/6 là 305°28'32.424". khoảng cách là 424.31m.	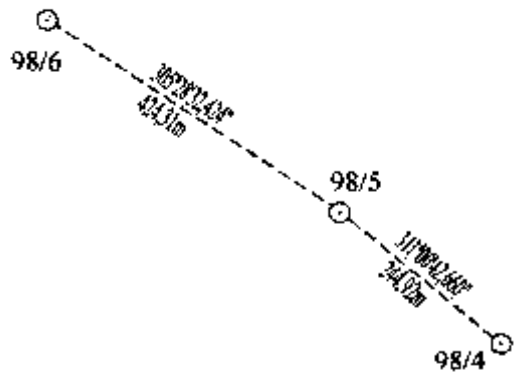		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 98/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 98/6 cắm cạnh đường mòn.	1297903,07 630705.45	11 44 18,175 106 11 58,054	52.64 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 51,44
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/5 đến cột mốc số 98/6 là 305°28'32,424", khoảng cách là 424.31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/6 đến cột mốc số 99 là 303°19'17,730", khoảng cách là 530,46m.	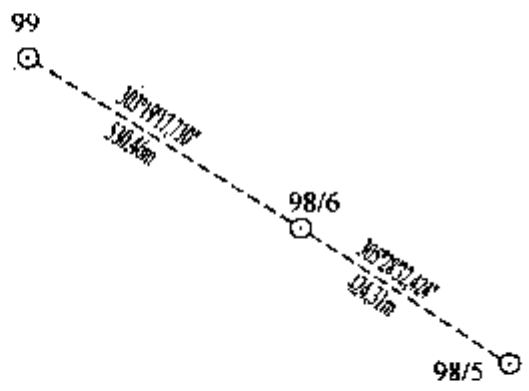		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 99

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 10 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 99 cắm trên bãi đất trống.	1298194,47 630262,20	11 44 27,722 106 11 43,454	53,21 (2,65)
			Độ cao mặt đất (m)
			50,56
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 98/6 đến cột mốc số 99 là 303°19'17,730", khoảng cách là 530,46m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 99 đến cột mốc số 100 là 326°14'47,953", khoảng cách là 1117,51m.	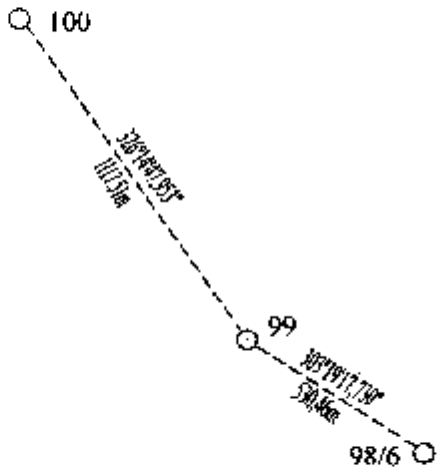		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 100

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 04 tháng 8 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 100 cắm cạnh đường mòn.	1299123,61 629641,29	11 44 58,051 106 11 23,074	54,06 (2,41)
			Độ cao mặt đất (m)
			51,65
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 99 đến cột mốc số 100 là 326°14'47,953", khoảng cách là 1117,51m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 100 đến cột mốc số 101 là 253°30'58,715", khoảng cách là 1322,89m.	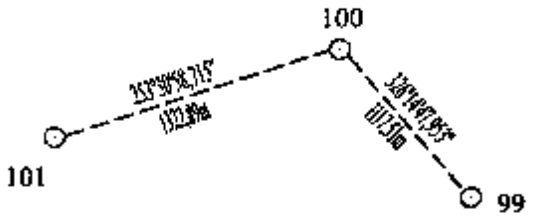		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 101

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 23 tháng 12 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 101 cắm trong ruộng lúa.	1298748,25 628372.77	11 44 46,006 106 10 41,119	48,58 (2.68)
			Độ cao mặt đất (m)
			45.90
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 100 đến cột mốc số 101 là 253°30'58,715", khoảng cách là 1322,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 101 đến cột mốc số 101/1 là 274°12'22,167", khoảng cách là 209,97m.	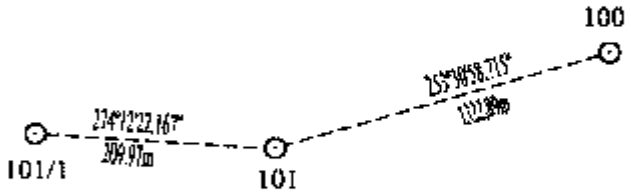		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 101/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 101/1 cắm trong ruộng lúa.	1298763,65 628163,37	11 44 46,536 106 10 34,204	46,69 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			45,49
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 101 đến cột mốc số 101/1 là 274°12'22,167", khoảng cách là 209,97m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 101/1 đến cột mốc số 101/2 là 303°12'04,913", khoảng cách là 224,37m.	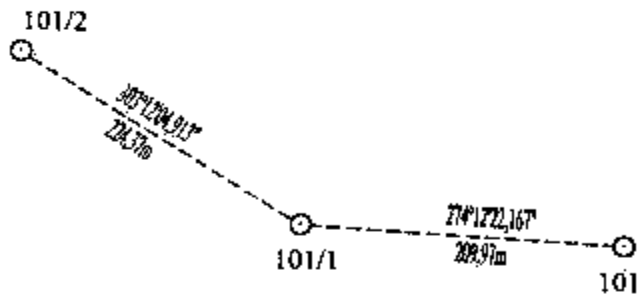		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 101/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 101/2 cắm trong ruộng lúa.	1298886,51 627975,63	11 44 50,561 106 10 28,019	46,72 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			45,52
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 101/1 đến cột mốc số 101/2 là 303°12'04,913", khoảng cách là 224,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 101/2 đến cột mốc số 101/3 là 309°11'55,189", khoảng cách là 206,58m.	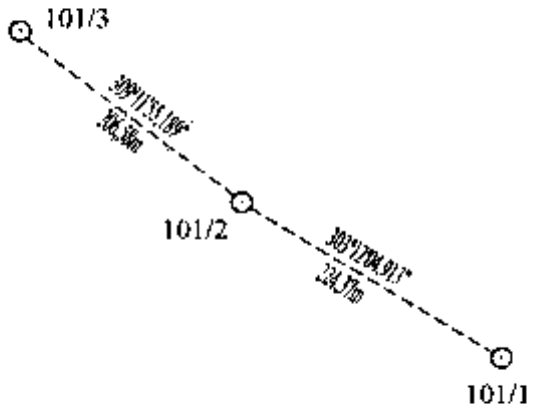		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 101/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 101/3 cắm trong ruộng lúa.	1299017,07 627815,54	11 44 54,833 106 10 22,749	46,67 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			45,47
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 101/2 đến cột mốc số 101/3 là 309°11'55,189", khoảng cách là 206.58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 101/3 đến cột mốc số 102 là 296°41'48,286", khoang cách là 122.58m.	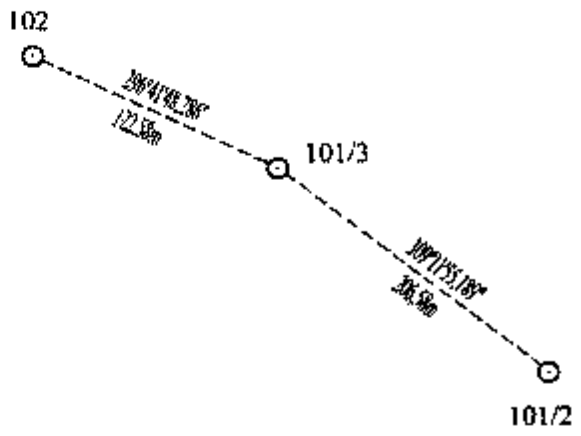		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 102

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 10 năm 2010

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 102 cắm trong ruộng lúa.	1299072.14 627706,03	11 44 56.640 106 10 19,139	47,93 (2,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			45,43

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 101/3 đến cột mốc số 102 là 296°41'48.286", khoảng cách là 122.58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 102 đến cột mốc số 102/1 là 249°54'22.157", khoảng cách là 492,43m.	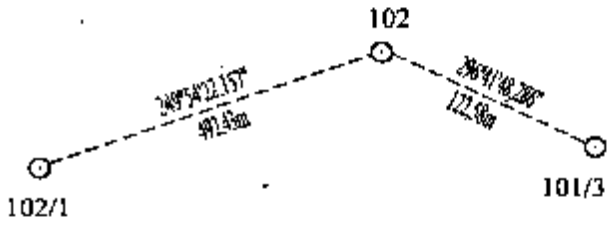

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 102/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 102/1 cắm cạnh suối.	1298902.96 627243,57	11 44 51,195 106 10 03,840	45,32 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			44,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 102 đến cột mốc số 102/1 là 249°54'22,157", khoảng cách là 492,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 102/1 đến cột mốc số 102/2 là 234°54'20.304", khoảng cách là 243.54m.	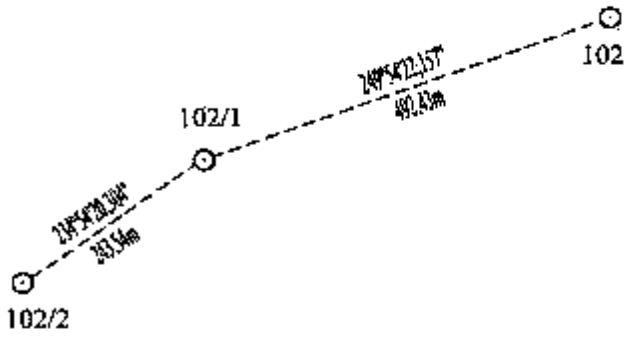		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 102/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 102/2 cắm trong ruộng lúa.	1298762.94 627044.30	11 44 46,665 106 09 57.238	45,57 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 44,37
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 102/1 đến cột mốc số 102/2 là 234°54'20.304", khoảng cách là 243,54m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 102/2 đến cột mốc số 103 là 231°00'08.326", khoảng cách là 259,80m.	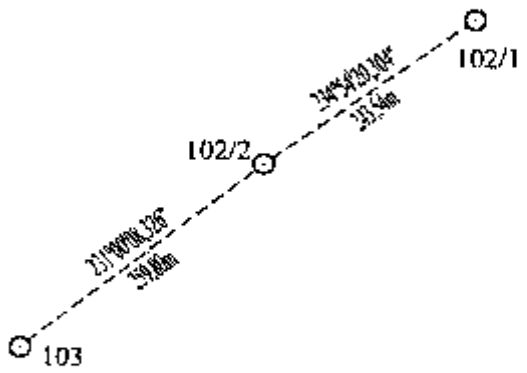		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 103

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 04 tháng 3 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 103 cắm tại cặp cửa khẩu Vạc Sa - Đôn Roát.	1298599,45 626842,39	11 44 41,370 106 09 50,546	47,49 (2,31) Độ cao mặt đất (m) 45,18
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 102/2 đến cột mốc số 103 là 231°00'08,326", khoảng cách là 259,80m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103 đến cột mốc số 103/1 là 225°45'06,478", khoảng cách là 150,90m.	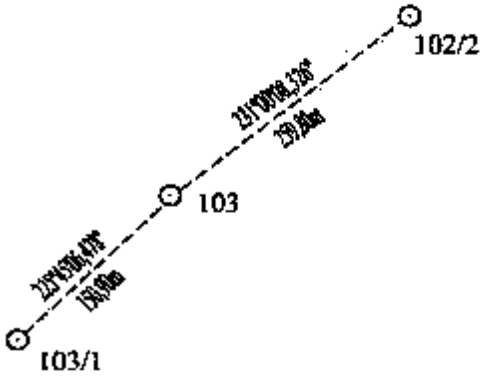		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 103/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 103/1 cắm cạnh đường mòn.	1298494,16 626734,30	11 44 37,957 106 09 46,961	46,71 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			45,51
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103 đến cột mốc số 103/1 là 225°45'06,478", khoảng cách là 150,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103/1 đến cột mốc số 103/2 là 213°28'43,360", khoảng cách là 399,24m.	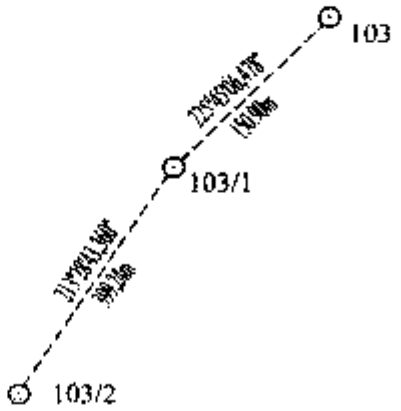		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 103/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 103/2 cắm trong rừng.	1298161,16 626514,07	11 44 27,148 106 09 39,641	45,26 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			44,06
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103/1 đến cột mốc số 103/2 là 213°28'43,360", khoảng cách là 399,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103/2 đến cột mốc số 103/3 là 210°44'24,950", khoảng cách là 353,93m.	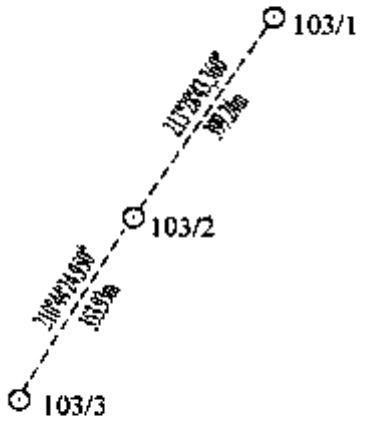		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 103/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 103/3 cắm trong rừng.	1297856,96 626333,16	11 44 17,271 106 09 33,624	44,70 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			43,50
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103/2 đến cột mốc số 103/3 là 210°44'24,950", khoảng cách là 353,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103/3 đến cột mốc số 103/4 là 234°53'27,387", khoảng cách là 414,29m.	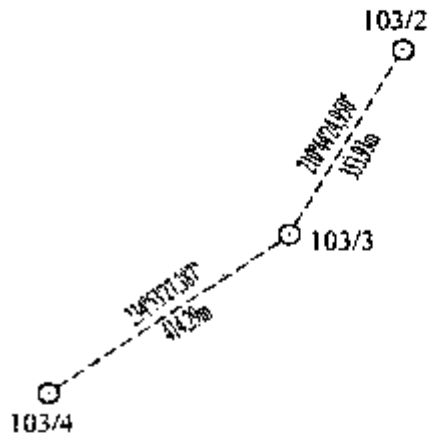		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 103/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 103/4 cắm trong ruộng.	1297618,69 625994,25	11 44 09,560 106 09 22,397	44,54 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			43,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103/3 đến cột mốc số 103/4 là 234°53'27,387", khoảng cách là 414.29m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103/4 đến cột mốc số 104 là 261°41'06,001", khoảng cách là 207,72m.	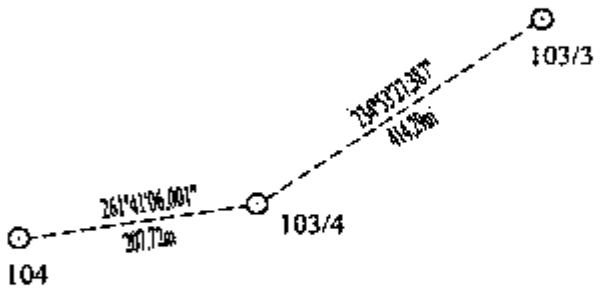		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 104

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 104 cắm trong ruộng.	1297588,65 625788,71	11 44 08,609 106 09 15.603	46,04 (2,51)
			Độ cao mặt đất (m)
			43,53
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 103/4 đến cột mốc số 104 là 261°41'06,001", khoảng cách là 207,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104 đến cột mốc số 104/1 là 282°22'26,332", khoảng cách là 215.55m.	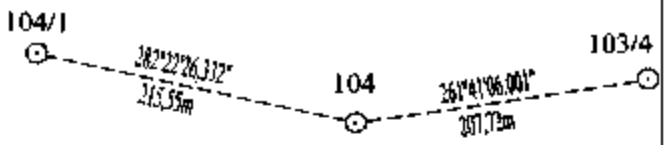		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 104/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 104/1 cắm trên bãi đất trống.	1297634,84 625578,17	11 44 10,141 106 09 08,655	45,22 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			44,02
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104 đến cột mốc số 104/1 là 282°22'26,332", khoảng cách là 215,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/1 đến cột mốc số 104/2 là 299°40'48,577", khoảng cách là 157,02m.	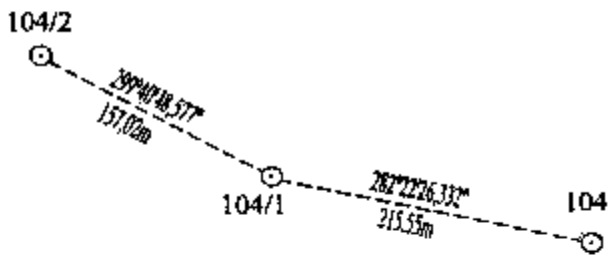		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 104/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 104/2 cắm trên bãi đất trống.	1297712,59 625441,75	11 44 12,690 106 09 04,159	46,01 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			44,81
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/1 đến cột mốc số 104/2 là 299°40'48,577", khoảng cách là 157,02m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/2 đến cột mốc số 104/3 là 302°01'15,557", khoảng cách là 459,25m.	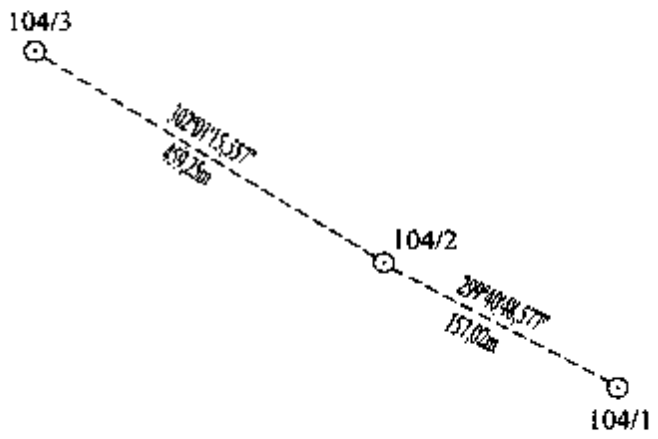		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 104/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 104/3 cắm trong rẫy cao su.	1297956,10 625052,37	11 44 20,668 106 08 51,330	48,33 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			47,13

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/2 đến cột mốc số 104/3 là 302°01'15,557", khoảng cách là 459,25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/3 đến cột mốc số 104/4 là 297°17'33,942", khoảng cách là 525,72m.	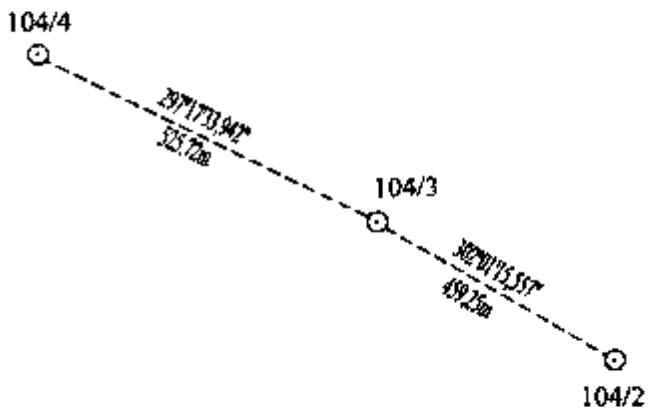

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 104/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 104/4 cắm trong rẫy cao su.	1298197,16 624585,18	11 44 28,577 106 08 35,930	50,34 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			49,14

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/3 đến cột mốc số 104/4 là 297°17'33,942", khoảng cách là 525,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/4 đến cột mốc số 104/5 là 293°51'31,293", khoảng cách là 489,29m.	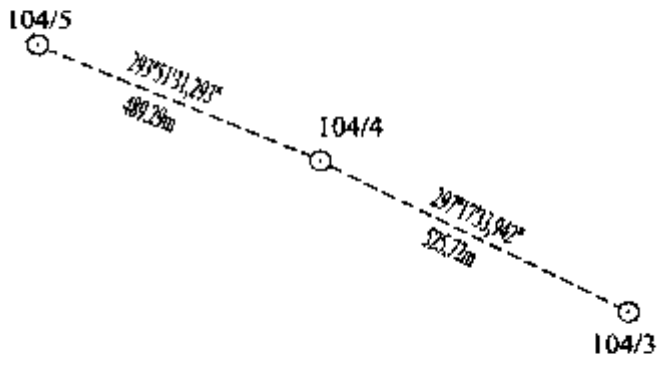

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 104/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 104/5 cắm trong rẫy.	1298395,07 624137,70	11 44 35,078 106 08 21,175	50,97 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			49,77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/4 đến cột mốc số 104/5 là 293°51'31,293", khoảng cách là 489,29m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/5 đến cột mốc số 105 là 288°39'49.399", khoảng cách là 349,27m.	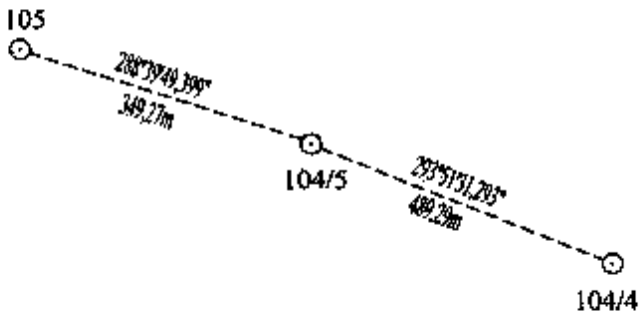		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 105 cắm cạnh đường mòn.	1298506,84 623806.80	11 44 38,759 106 08 10,259	51,68 (2,64)
			Độ cao mặt đất (m)
			49,04
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 104/5 đến cột mốc số 105 là 288°39'49,399", khoảng cách là 349,27m . Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105 đến cột mốc số 105/1 là 287°06'56,960", khoảng cách là 267,04m.	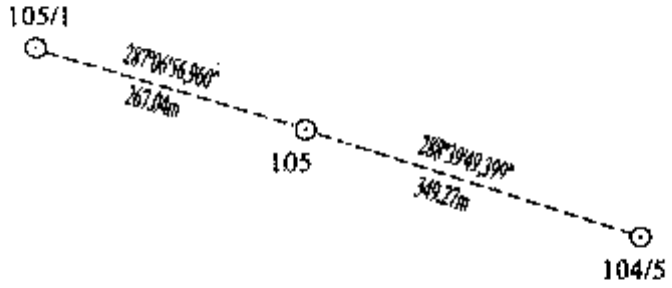		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 105/1 cắm trong rẫy cao su.	1298585,43 623551,59	11 44 41,351 106 08 01,840	48,27 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			47,07

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105 đến cột mốc số 105/1 là 287°06'56,960", khoảng cách là 267,04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/1 đến cột mốc số 105/2 là 272°06'17,344", khoảng cách là 320.47m.	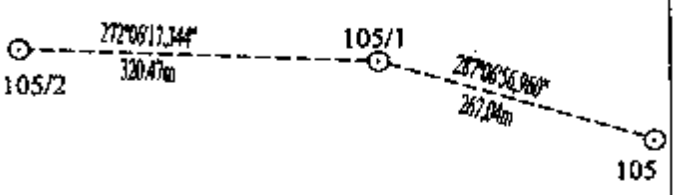

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 105/2 cắm trong rẫy cao su.	1298597,20 623231,34	11 44 41,776 106 07 51,262	47,02 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			45,82
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/1 đến cột mốc số 105/2 là 272°06'17,344", khoảng cách là 320,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/2 đến cột mốc số 105/3 là 267°55'51,312", khoảng cách là 362,84m.	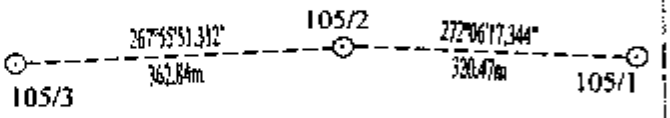		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 105/3 cắm trong rẫy cao su.	1298584,10 622868,74	11 44 41,397 106 07 39,283	45,33 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			44,13
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/2 đến cột mốc số 105/3 là 267°55'51,312", khoảng cách là 362,84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/3 đến cột mốc số 105/4 là 280°01'46.198". khoảng cách là 198,96m.	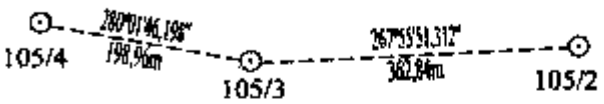		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 105/4 cắm trong rẫy cao su.	1298618,75 622672,82	11 44 42,550 106 07 32,816	44,64 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			43,44

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/3 đến cột mốc số 105/4 là 280°01'46.198", khoảng cách là 198.96m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/4 đến cột mốc số 105/5 là 267°00'11,844", khoảng cách là 333.41m.	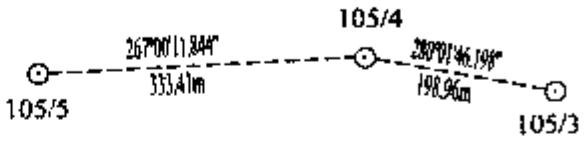

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 12 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 105/5 cắm trong rẫy.	1298601,32 622339,87	11 44 42,027 106 07 21,815	42,17 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			40,97

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/4 đến cột mốc số 105/5 là 267°00'11,844", khoảng cách là 333,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/5 đến cột mốc số 105/6 là 247°09'32,805", khoảng cách là 157,53m.	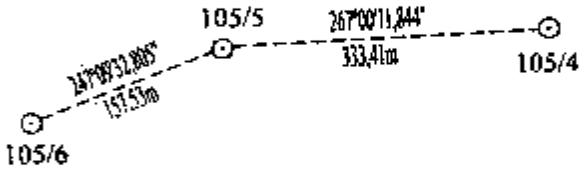

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 105/6 cắm trong rừng.	1298540.17 622194.69	11 44 40.055 106 07 17.011	40.46 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 39.26
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/5 đến cột mốc số 105/6 là 247°09'32.805", khoảng cách là 157.53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/6 đến cột mốc số 105/7 là 242°02'21.379", khoảng cách là 220.15m.	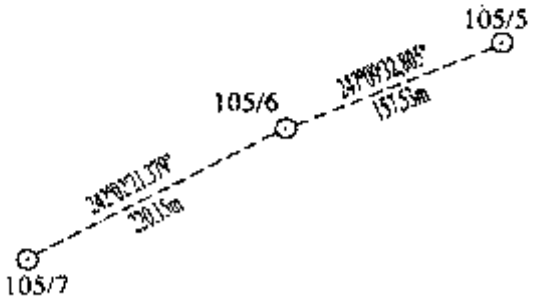		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105/7

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 12 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 105/7 cắm trong rừng.	1298436,95 622000,24	11 44 36,720 106 07 10,574	38,54 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			37,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/6 đến cột mốc số 105/7 là 242°02'21,379", khoảng cách là 220,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/7 đến cột mốc số 105/8 là 248°16'07,920", khoảng cách là 221,04m.	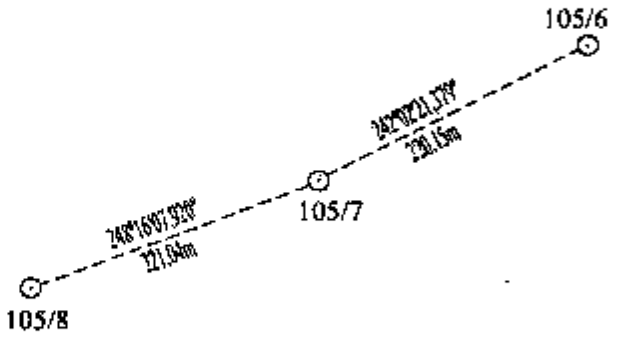		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105/8

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 105/8 cắm trong rẫy.	1298355,11 621794,91	11 44 34,083 106 07 03,781	40,64 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			39,44
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/7 đến cột mốc số 105/8 là 248°16'07,920", khoảng cách là 221,04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/8 đến cột mốc số 106 là 260°23'24,514", khoảng cách là 175,57m.	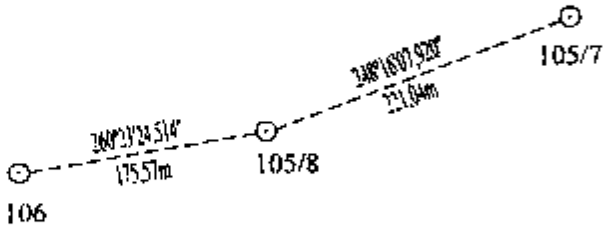		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 106

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 106 cắm trên bãi đất trống.	1298325,80 621621,80	11 44 33,151 106 06 58,058	41,73 (3,75) Độ cao mặt đất (m) 37,98
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 105/8 đến cột mốc số 106 là 260°23'24,514", khoảng cách là 175,57m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106 đến cột mốc số 106/1 là 281°31'44,318", khoảng cách là 525,81m.	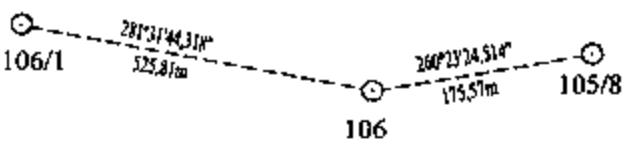		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 106/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 106/1 cắm trên bãi đất trống.	1298430,89 621106,60	11 44 36,638 106 06 41,054	37,30 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			36,10
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106 đến cột mốc số 106/1 là 281°31'44,318", khoảng cách là 525,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/1 đến cột mốc số 106/2 là 291°02'29,528", khoảng cách là 459,97m.	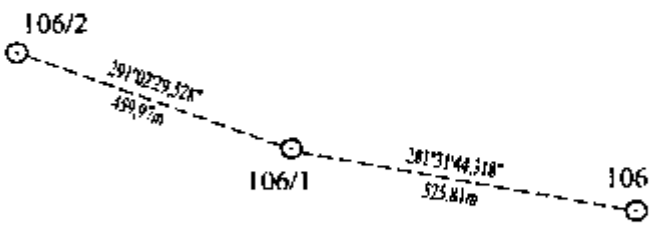		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 106/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 106/2 cắm trong rẫy.	1298596,04 620677,30	11 44 42,069 106 06 26,894	38,07 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			36,87

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/1 đến cột mốc số 106/2 là 291°02'29,528", khoảng cách là 459,97m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/2 đến cột mốc số 106/3 là 306°30'27,694", khoảng cách là 360,98m.	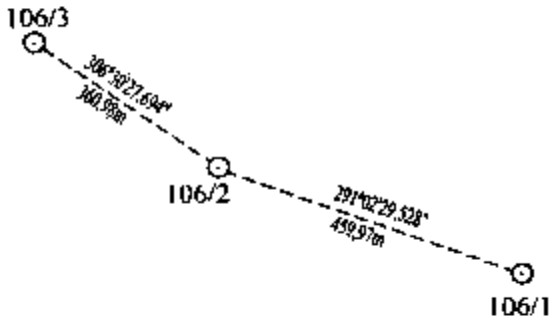

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 106/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 106/3 cắm trong rẫy.	1298810.80 620387,15	11 44 49.097 106 06 17.337	38,77 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			37.57

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/2 đến cột mốc số 106/3 là 306°30'27.694", khoảng cách là 360,98m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/3 đến cột mốc số 106/4 là 316°30'38.633", khoảng cách là 281,35m.	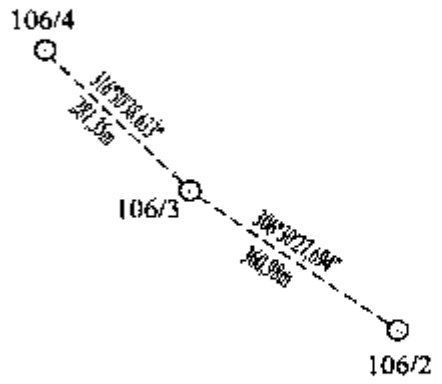

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 106/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 106/4 cắm trong rừng.	1299014,92 620193,52	11 44 55,766 106 06 10,968	38,00 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			36,80
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/3 đến cột mốc số 106/4 là 316°30'38,633", khoảng cách là 281,35m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/4 đến cột mốc số 106/5 là 326°46'42,225", khoảng cách là 436,57m.	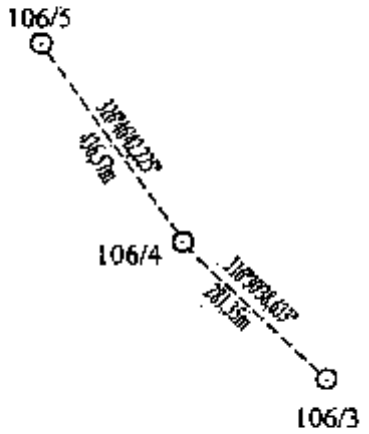		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 106/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 106/5 cắm trong tứng.	1299380,14 619954,33	11 45 07,684 106 06 03,114	37,58 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			36,38
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/4 đến cột mốc số 106/5 là 326°46'42,225", khoảng cách là 436,57m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/5 đến cột mốc số 107 là 339°30'20,022", khoảng cách là 452,82m.	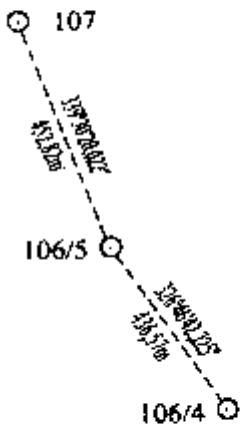		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 107

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, Loại C	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 01 năm 2011

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 107 cắm trên bãi đất ngập nước.	1299804,30 619795,79	11 45 21,511 106 05 57,931	38,52 (3,70)
			Độ cao mặt đất (m)
			34,82

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 106/5 đến cột mốc số 107 là 339°30'20,022", khoảng cách là 452,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 107 đến cột mốc số 107/1 là 267°55'22,721", khoảng cách là 291,09m.	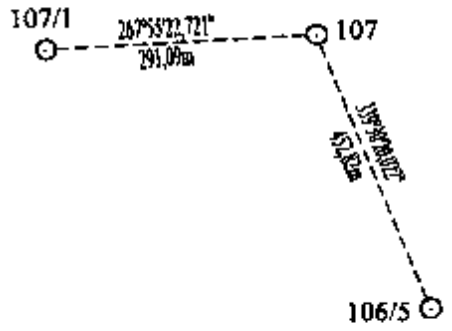

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 107/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 107/1 cắm trên bãi đất trống.	1299793;75 619504,89	11 45 21,205 106 05 48,320	36,00 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			34,80
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 107 đến cột mốc số 107/1 là 267°55'22,721", khoảng cách là 291,09m Góc phương vị tọa độ cột mốc số 107/1 đến cột mốc số 107/2là 296°22'28,961", khoảng cách là 232,89m.	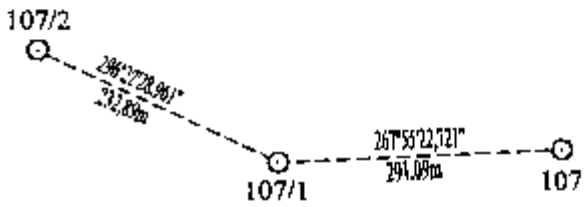		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 107/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 107/2 cắm trong bãi đất trống.	1299897,21 619296,24	11 45 24,599 106 05 41,440	37,81 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			36,61
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 107/1 đến cột mốc số 107/2 là 296°22'28,961", khoảng cách là 232,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 107/2 đến cột mốc số 108 là 271°22'55,886", khoảng cách là 116,49m.	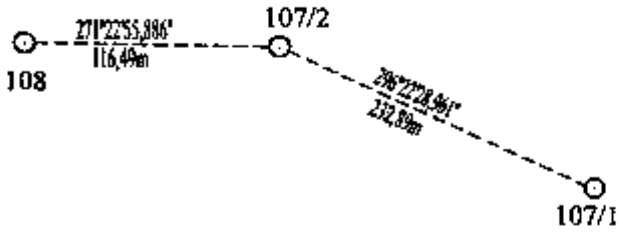		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 108

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 12 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 108 cắm trong rẫy.	1299900,02 619179,78	11 45 24,705 106 05 37,593	41,09 (2,56)
			Độ cao mặt đất (m)
			38,53
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 107/2 đến cột mốc số 108 là 271°22'55.886", khoảng cách là 116,49m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 108 đến cột mốc số 108/1 là 286°20'43.432", khoảng cách là 134.78m.	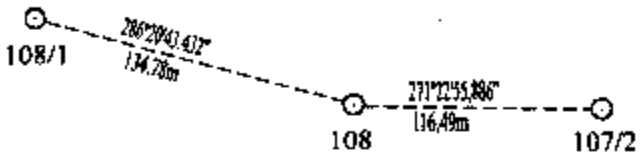		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 108/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 5 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 108/1 cắm trong rẫy.	1299937,95 619050,45	11 45 25,956 106 05 33,326	42,59 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			41,39

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 108 đến cột mốc số 108/1 là 286°20'43,432", khoảng cách là 134,78m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 108/1 đến cột mốc số 108/2 là 342°28'36,336", khoảng cách là 86,45m.	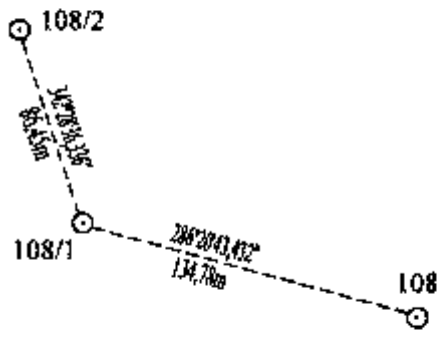

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 108/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 108/2 cắm trong rẫy.	1300020,39 619024.42	11 45 28,643 106 05 32.476	44,81 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			43,61
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 108/1 đến cột mốc số 108/2 là 342°28'36,336", khoảng cách là 86,45m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 108/2 đến cột mốc số 109 là 321°54'36,533", khoảng cách là 1129,61m.	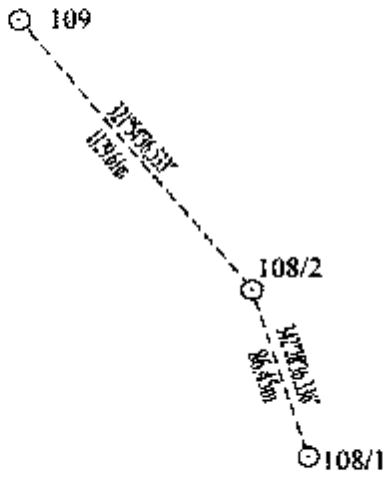		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 109

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 21 tháng 11 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 109 cắm trong rẫy.	1300909.44 618327,57	11 45 57,670 106 05 09,569	55,88 (2,51)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,37
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 108/2 đến cột mốc số 109 là 321°54'36,533", khoảng cách là 1129.61m . Góc phương vị tọa độ cột mốc số 109 đến cột mốc số 110 là 321°50'45,671", khoảng cách là 1387.80m.	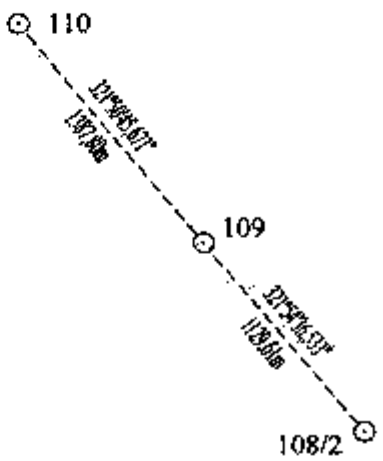		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 110

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 7 năm 2011	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 110 cắm tại cặp cửa khẩu Chàng Riệc - Đa.	1302000,74 617470,22	11 46 33,300 106 04 41,385	62,78 (2,32)
			Độ cao mặt đất (m)
			60,46
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 109 đến cột mốc số 110 là 321°50'45,671", khoảng cách là 1387,80m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 110 đến cột mốc số 111 là 274°01'07,063", khoảng cách là 3870,82m.	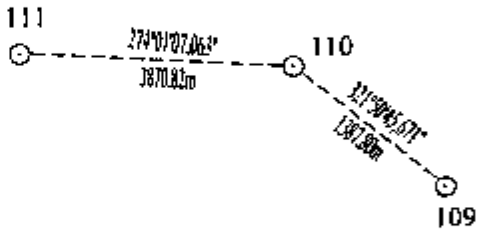		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 30 tháng 12 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 111 cắm phía Tây đường đất.	1302272.01 613608,92	11 46 42,606 106 02 33,850	51,55 (2,62)
			Độ cao mặt đất (m)
			48,93
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 110 đến cột mốc số 111 là 274°01'07,063", khoảng cách là 3870,82m . Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111 đến cột mốc số 111/1 là 250°49'49,309", khoảng cách là 404.21m.	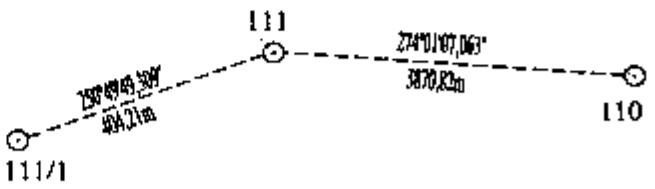		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 12 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 111/1 cắm trên bãi đất trống.	1302139,28 613227,12	11 46 38.331 106 02 21.220	46,39 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			45,19
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111 đến cột mốc số 111/1 là 250°49'49.309", khoảng cách là 404,21m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/1 đến cột mốc số 111/2 là 248°28'08.366" khoảng cách là 352,09m.	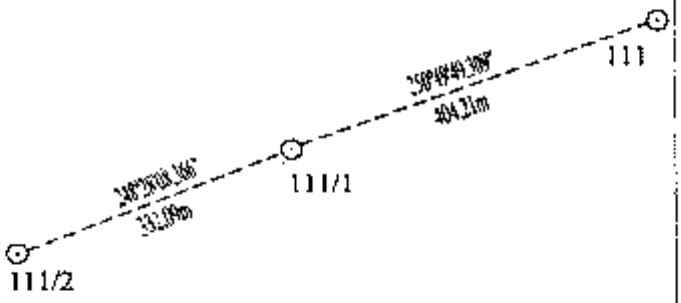		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 11 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 111/2 cắm trong rẫy.	1302017,40 612918,20	11 46 34,401 106 02 10,999	46,54 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			45,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/1 đến cột mốc số 111/2 là 248°28'08,366", khoảng cách là 332,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/2 đến cột mốc số 111/3 là 264°49'24,354", khoảng cách là 255,58m.	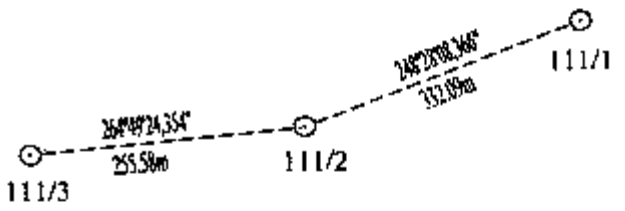		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 111/3 cắm trong rẫy.	1301994,34 612663,66	11 46 33,681 106 02 02,587	47,18 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			45,98
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/2 đến cột mốc số 111/3 là 264°49'24.354", khoảng cách là 255.58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/3 đến cột mốc số 111/4 là 255°54'33.944", khoảng cách là 225.09m.	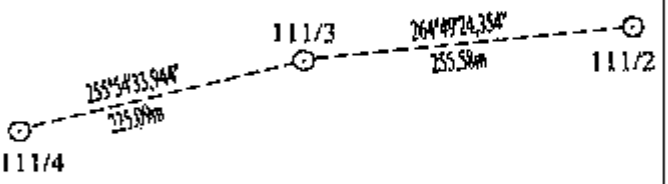		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 5 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 111/4 cắm trong rẫy.	1301939,54 612445,34	11 46 31,923 106 01 55,367	49,75 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			48,55
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/3 đến cột mốc số 111/4 là 255°54'33,944", khoảng cách là 225,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/4 đến cột mốc số 111/5 là 261°58'34,466", khoảng cách là 294,88m.	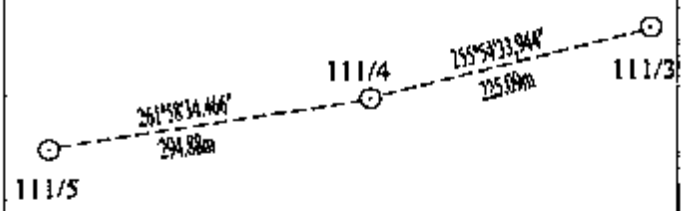		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 111/5 cắm trên đường mòn.	1301898,38 612153,35	11 46 30,618 106 01 45.716	48,87 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			47,67
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/4 đến cột mốc số 111/5 là 261°58'34,466", khoảng cách là 294,88m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/5 đến cột mốc số 111/6 là 266°01'38,552", khoảng cách là 370,67m.	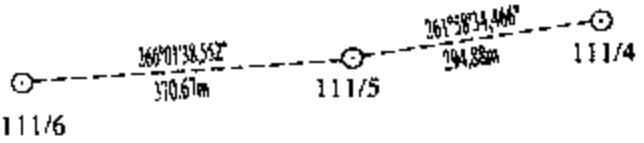		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 111/6 cắm trên đường mòn.	1301872,70 611783,57	11 46 29,827 106 01 33,495	44,96 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			43,76

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/5 đến cột mốc số 111/6 là 266°01'38,552", khoảng cách là 370,67m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/6 đến cột mốc số 112 là 247°50'45,023", khoảng cách là 353,20m.	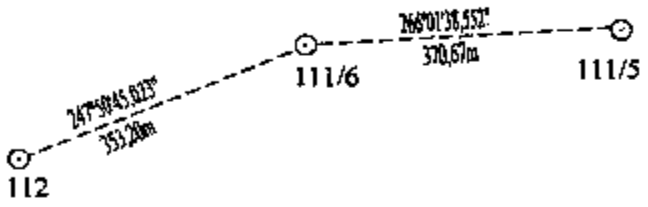

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 112

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 23 tháng 12 năm 2010

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 112 cắm trên bãi đất trống.	1301739,51 611456,45	11 46 25,530 106 01 22,672	44,01 (3,22) Độ cao mặt đất (m) 40,79

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 111/6 đến cột mốc số 112 là 247°50'45.023", khoảng cách là 353,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 112 đến cột mốc số 112/1 là 230°20'14.833", khoảng cách là 572,93m.	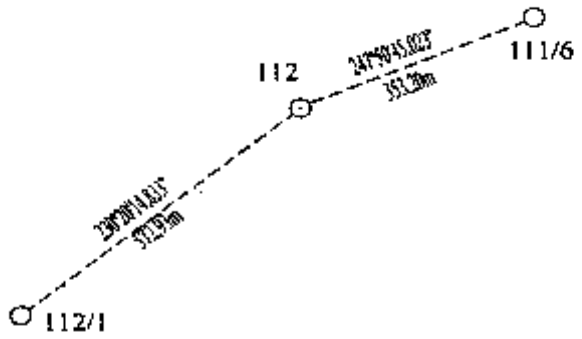

990

(Xem tiếp Công báo số 179 + 180)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng